

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2024/DS-ST
Ngày: 24/7/2024.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Đăng Khoa.
- Bà Nguyễn Thị Trúc Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105b/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144b/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Hồng P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số F, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lưu Hồng P1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số C, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lưu Hồng P là ông Lưu Hồng P1 trình bày: Do quen biết nên ông Lưu Hồng P có cho ông Nguyễn Văn B vay tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 02/11/2022: Ông P và ông B có lập hợp đồng vay tiền, số tiền cho vay là 200.000.000 đồng. Thời gian cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất tự thỏa thuận, khi hết hạn hợp đồng trả một lần. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 02/11/2022. Đồng thời, ông B có giao cho ông P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 31, tờ bản đồ số 14, tọa lạc xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre để làm tin cho số tiền vay 200.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi nào hoàn tất hợp đồng vay thì ông P sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B.

- Ngày 03/01/2023: Ông P và ông B có lập hợp đồng vay tiền, số tiền cho vay là 50.000.000 đồng. Thời gian cho vay 10 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất tự thỏa thuận, khi hết hạn hợp đồng trả một lần. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 03/01/2023. Đồng thời, ông B có giao cho ông P 01 giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất thửa số 32, tờ bản đồ số 14, tọa lạc xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre để làm tin cho số tiền vay 50.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi nào hoàn tất hợp đồng vay thì ông P sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B.

- Tuy nhiên đến nay ông B chưa trả tiền vay vốn và tiền lãi cho ông P đối với hai khoản vay trên. Nay ông P yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông B phải trả số tiền vốn gốc và lãi như sau: Hợp đồng vay ngày 02/11/2022: Tiền gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 02/11/2022 đến ngày 23/7/2024 là $(200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 21 \text{ ngày}) = 34.499.500 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 234.499.500 đồng. Hợp đồng vay ngày 03/01/2023: Tiền gốc là 50.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 03/01/2023 đến ngày 23/7/2024 là $(50.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 20 \text{ ngày}) = 7.777.777 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 57.777.777 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi chung cho hai khoản vay tính đến ngày 23/7/2024 là: 292.277.277 đồng. Khi ông P nhận đủ tiền thì ông P sẽ trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông B.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định::

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Theo hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng C ngày 02/11/2022 giữa ông Lưu Hồng P và ông Nguyễn Văn B, có chữ ký của ông Nguyễn Văn B thể hiện ông Nguyễn Văn B có vay của ông Lưu Hồng P số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận. Theo hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng C ngày 03/01/2023 giữa ông Lưu Hồng P và ông Nguyễn Văn B, có chữ ký của ông Nguyễn Văn B thể hiện ông Nguyễn Văn B có vay của ông Lưu Hồng P số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận. Xét thấy, các hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng C và Văn phòng C Nguyễn Văn T có chữ ký của ông Nguyễn Văn B.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho phía bị đơn là ông Nguyễn Văn B, tuy nhiên ông B vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không có giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông B đối với yêu cầu của nguyên đơn ông P, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn ông P đưa ra. Do đó, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: có đủ căn cứ xác định ông B đã vay tiền của ông P số tiền vay theo hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022 là 200.000.000 đồng và theo hợp đồng vay tiền ngày 03/01/2023 là 50.000.000 đồng. Xét thấy, bản thân ông B là bên vay đã tham gia giao dịch về vay tiền với ông P nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vay của mình là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông B phải hoàn trả cho ông P số tiền vay tổng cộng là 250.000.000 đồng vốn gốc là phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu này của ông P là có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ: có căn cứ xác định ông B vẫn chưa thực hiện được nghĩa vụ về việc trả số tiền vay cũng như trả tiền lãi cho ông P. Vì vậy, buộc ông B phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, hợp đồng vay ngày 02/11/2022: tiền lãi tính từ ngày 02/11/2022 đến ngày 23/7/2024 là $200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 34.499.500 \text{ đồng}$; hợp đồng vay ngày 03/01/2023: tiền lãi tính từ ngày 03/01/2023 đến ngày 23/7/2024 là $50.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 7.777.777 \text{ đồng}$ là phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Hồng P số tiền vay tổng cộng là 292.272.000 đồng (làm tròn số tiền).

[3] Ghi nhận việc ông Lưu Hồng P tự nguyện trả lại cho ông Nguyễn Văn B 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 31 và thửa 32, tờ bản đồ số 14, tọa

lạc xã N, thành phố B cho ông Nguyễn Văn B khi ông B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông P.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hồng P được chấp nhận nên lẽ ra ông Nguyễn Văn B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng do ông B là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Hồng P.

Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Hồng P số tiền vay tổng cộng là 292.272.000 đồng.

Ghi nhận ông Lưu Hồng P tự nguyện giao trả cho ông Nguyễn Văn B bản chính: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” có sổ vào sổ cấp GCN: HNT/01007, số phát hành AD 752299, đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 14, diện tích 932,8m² và “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” có sổ vào sổ cấp GCN: HNT/01008, số phát hành AD 752300, đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14, diện tích 120,2m², cùng tọa lạc tại xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 10/02/2006 cho ông Nguyễn Văn B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông Lưu Hồng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.979.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001106 ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ông Lưu Hồng P, ông Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt

